

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 593/2019/HC-ST

Ngày: 4 - 6 - 2019

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản
khác gắn liền với đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Thanh Bạch

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Cảnh
2. Bà Trần Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Giản Thị Dung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Tôn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 28 tháng 5 và ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 342/2018/TLST-HC ngày 11 tháng 10 năm 2018 về “Khiếu kiện quyết định hành chính về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1724/2019/QĐXXST-HC ngày 18 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2040/2019/QĐST-HC ngày 07/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: đường Đ, Phường P Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Đình T, sinh năm 1977, địa chỉ cư trú: đường Đ, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/9/2018).

2. Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ trụ sở: đường Đ, phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Đinh Quang Anh L, sinh năm 1986

2. Ông Trần Thanh T, sinh năm 1979

Địa chỉ: đường Đ, phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thu Ngg, sinh năm 1975, địa chỉ cư trú: đường Đ, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người làm chứng:

Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1974, hiện đang công tác tại Phòng Quản lý đô thị Quận Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 31/8/2018 cùng các lời trình bày trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người khởi kiện là Bà Bùi Thị N do ông Huỳnh Đình T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1995 bà Bùi Thị N mua một miếng đất diện tích 150 m² (5m x 30m) của bà Lê Thị Mè. Ngày 29/01/1996 Phòng Xây dựng Giao thông Vận tải - UBND huyện Nhà Bè đã lập Biểu đăng bộ nhà chuyển nhượng đối với căn nhà tại số 46/5A ấp 4, phường Phú Mỹ, huyện Nhà Bè theo đó người chuyển nhượng là bà Lê Thị M và người nhận được chuyển nhượng là bà Bùi Thị N. Đến năm 1999 bà N tiếp tục mua thêm phần đất liền kề đất phần đất trên, diện tích ngang 4m chiều dài chạy dài đến giữa rạch của vợ chồng ông Vũ Văn T và bà Huỳnh Thị N. Ngày 11/08/1999 bà N đã làm Tờ đăng ký nhà đất có xác nhận của UBND phường Tân Phú, Quận 7 với hai mảnh đất mua trên. Đến năm 2006 thì bà N được cấp Phiếu công khai thông tin hiện trạng nhà đất có xác nhận của Phó Giám đốc Xí nghiệp Đo đạc Địa hình miền Nam. Năm 2007, bà N đã thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với một phần diện tích đất trên và được UBND Quận 7 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 02657/2007 do UBND Quận Q ngày 29/11/2007 với diện tích 69,3m² trên tổng diện tích 269,3 m² thuộc thửa số 217 tờ bản đồ số 6 có vị trí tọa lạc phía trước hẻm hướng ra đường Huỳnh Tấn Phát.

Tiếp đến năm 2008, bà N đã làm hồ sơ xin xây dựng và đã xây dựng nhà cấp 4 với cấu trúc 1 trệt, 1 gác gỗ trên thửa 217 với diện tích sàn xây dựng là 56,12m². Phần diện tích còn lại khoảng 170m² bà N cũng đã xây nhà tạm.

Vào cuối tháng 11/2008 bà Lê Thu Ng quê quán Cao Lãnh, Đồng Tháp do được người quen của bà N giới thiệu đến xin ở nhờ nên bà N cho ở nhờ và để thuận tiện về mặt giấy tờ, công việc của bà Ng nên bà N đã cho nhập vào chung hộ khẩu với bà tại số 1206/34 đường Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 5, phường Tân Phú, Quận 7.

Mặc dù phần căn nhà xây tạm phía sau chưa được cấp chủ quyền nhưng bà N và những thành viên trong hộ khẩu vẫn ở và sinh hoạt bình thường. Đến năm 2011 bà N vì bệnh nặng phải ra nước ngoài điều trị, không rõ thời gian trở về và do tin tưởng bà Ng nên bà N đã giao nhà, giấy tờ pháp lý căn nhà, đất cho bà Ng.

Tháng 01/2018 bà Ng đột ngột bỏ đi khỏi địa phương. Bà N đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin và hỏi han tìm kiếm nhưng không có kết quả. Đến giữa tháng 01/2018, bà N tiến hành kiểm tra lại sổ sách giấy tờ thì phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 05444 ngày 21/10/2011 do Ủy ban nhân dân Quận 7 cấp cho bà Lê Thu Ng (số nhà 1206/36/4A Huỳnh Tấn Phát, thông với nhà 1206/34) thuộc thửa 507 tờ bản đồ số 59, diện tích 170 m² (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận số CH 05444) và một bản photocopy tờ “Đơn cam kết” ngày 28/06/2011 giả mạo chữ ký của bà N, nội dung: vào ngày 04/02/2004 bà N đã có cho em gái là bà Ng một phần căn nhà số 1206/34 với diện tích là 170 m², có xác nhận chữ ký của UBND phường Tân Phú, Quận 7. Đối với phần đất trên bà N khẳng định chưa bao giờ thực hiện chuyển nhượng, tặng cho hay ủy quyền nhà đất cho bất kỳ ai nên việc UBND Quận 7 cấp Giấy chứng nhận số CH 05444 là sai trái, không hợp pháp theo quy định của pháp luật. Hiện tại, bà N đang giữ bản chính Giấy chứng nhận này. Bà N phủ nhận việc ký tên trên hai tài liệu “Giấy tay cho nhà đất ngày 04/02/2004” và “Đơn cam kết ngày 28/6/2011” vì vào thời điểm trên bà N đang điều trị bệnh ở Mỹ.

Bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ Giấy chứng nhận số CH 05444 do Ủy ban nhân dân Quận 7 cấp cho bà Lê Thu Ng.

Tại văn bản ngày 04/01/2019 cùng các lời trình bày trong quá trình tố tụng, người bị kiện là Ủy ban nhân dân Quận Q do Ông Lê Hoà B là người đại diện theo pháp luật trình bày:

UBND Quận Q căn cứ vào xác nhận của UBND phường Tân Phú Quận 7 về nguồn gốc nhà đất số 1206/36/4A như sau: nhà đất do ông Nguyễn Tấn B sử dụng từ trước năm 1975. Đến năm 1988 ông B chuyển nhượng lại cho ông Vũ Văn T sử dụng. Tháng 02/2000 ông T chuyển nhượng lại cho bà N sử dụng. Tháng 02/2004 bà N cho lại bà Ng một phần nhà đất. Tháng 4/2004 bà Ng sửa chữa lại nhà, sử dụng ổn định đến nay; không có đơn tranh chấp, quy hoạch phù hợp. Từ đó, xác định Ủy ban nhân dân Quận Q cấp Giấy chứng nhận số CH 05444 đúng trình tự thủ tục luật định nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa ngày 28/5/2019, người làm chứng là ông Nguyễn Ngọc L trình bày:

Ông xác nhận mình là người đã chứng thực chữ ký của bà N trên “Đơn cam kết ngày 28/6/2011” vào ngày 01/7/2011, tuy nhiên khi đó do cán bộ tư pháp tiếp xúc với bà N thực hiện các thủ tục kiểm tra giấy tờ, nội dung, chữ ký của bà

N, sau đó trình cho ông ký xác nhận. Việc sai số CMND của bà N là do ông sơ sót không đối chiếu, ông chỉ đối chiếu tên, năm sinh, địa chỉ của bà N và ký tên.

Tại phiên toà mở lần thứ hai, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vắng mặt đã có yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

UBND Quận Q căn cứ vào xác nhận của UBND phường, Luật Đất đai năm 2003, Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ, Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/11/2009 cấp Giấy chứng nhận số CH 05444 đúng trình tự thủ tục luật định nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc giải quyết vụ án hành chính nêu trên của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp với qui định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa mở lần thứ hai, người bị kiện vắng mặt và đã có yêu cầu xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 157, Điều 158 của Luật tố tụng hành chính (LTTHC), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

- Về xác định quan hệ pháp luật:

[2] Ban đầu, Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là khiếu kiện quyết định hành chính về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Căn cứ Đơn khởi kiện, người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận số CH 05444 nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là khiếu kiện quyết định hành chính về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, không phải là khiếu kiện quyết định hành chính về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Về thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

[3] Ngày 31/8/2018, người khởi kiện nộp Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân Quận Q cấp là yêu cầu khiếu kiện

quyết định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 của Luật tổ tụng hành chính (LTTHC). Người khởi kiện cho biết tháng 01/2018 mới biết về Giấy chứng nhận số CH 05444 nên theo quy định tại khoản 2 Điều 116 của LTTHC về thời hiệu khởi kiện, yêu cầu khởi kiện này còn trong thời hiệu khởi kiện.

Xét yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận số CH05444 thấy:

- Về thẩm quyền cấp giấy chứng nhận:

[4] Theo quy định tại Điều 52 của Luật đất đai năm 2003 về thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân quận có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân. Như vậy, Ủy ban nhân dân Quận Q cấp Giấy chứng nhận số CH05444 cho bà Lê Thu Ng là đúng thẩm quyền.

- Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận:

[5] Căn cứ vào Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 22/6/2011; Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kinh doanh Địa ốc Gia Kiến lập ngày 15/6/2011 được kiểm tra ngày 12/9/2011; Bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở của cá nhân do Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kinh doanh Địa ốc Gia Kiến lập ngày 15/6/2011; Quyết định về việc cấp đổi số nhà số 949/QĐ-UBND ngày 21/10/2011 của UBND Quận Q; Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính ngày 21/10/2011 của UBND Quận Q; Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư được UBND phường Tân Phú Quận 7 xác nhận ngày 27/7/2011; Tờ trình giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 14/9/2011 của Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 7; Danh sách công khai các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận tại phường Tân Phú Quận 7 ngày 27/7/2011 của UBND phường Tân Phú Quận 7; Biên bản làm việc ngày 06/10/2011 tại UBND phường Tân Phú Quận 7; Văn bản số 2479/TNMT ngày 09/8/2011 của Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 7; Hội đồng xét xử xét thấy Ủy ban nhân dân Quận Q đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xem xét cấp giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 136 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất tại phường; Điều 14, 15, 16 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất về hồ sơ và trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu nhà ở, công trình xây dựng.

- Về nội dung cấp giấy chứng nhận:

[6] Theo người khởi kiện trình bày bà N hoàn toàn không biết và cũng không có ký vào các tài liệu “Giấy tay cho nhà đất ngày 04/02/2004”, “Đơn cam

kết ngày 28/6/2011”. Theo kết quả xác minh của Công an phường Tân Phú Quận 7 tại Biên bản xác minh ngày 15/3/2019 và nội dung Biên bản xem xét tại chỗ ngày 23/11/2018 ghi nhận nhà số 1206/36/4A (đã được cấp chủ quyền cho bà Ng) và nhà 1206/34 (đã được cấp chủ quyền cho bà N theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 02657/2007 do UBND Quận Q cấp ngày 29/11/2007) thông nhau và đang do bà N trực tiếp quản lý toàn bộ, còn bà Ng đã bỏ đi khỏi nơi cư trú từ lâu và không có thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo Kết luận giám định số 1020/KLGD-TT ngày 06/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định chữ ký trên “Giấy tay cho nhà đất ngày 04/02/2004” và “Đơn cam kết ngày 28/6/2011” với chữ ký của bà N không phải do cùng một người ký ra. Theo Văn bản số 373/QLXNC-P5 ngày 11/02/2019 của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh – Bộ Công an (kèm theo tài liệu về thông tin xuất nhập cảnh tại dòng thứ 13, 14 của danh sách thể hiện bà N, số hộ chiếu B2589813, đã xuất cảnh khỏi Việt Nam từ ngày 11/3/2011 và đến ngày 04/8/2011 mới nhập cảnh vào Việt Nam), Hội đồng xét xử có cơ sở xác định thời điểm lập “Giấy tay cho nhà đất ngày 04/02/2004”, “Đơn cam kết ngày 28/6/2011” và thực hiện thủ tục chứng thực chữ ký tại UBND phường Tân Phú Quận 7 (ngày 01/7/2011), bà N không có mặt tại Việt Nam. Từ đó, xác định tài liệu “Đơn cam kết ngày 28/6/2011” đứng tên của bà N là giả mạo, không có giá trị chứng minh tồn tại giao dịch chuyển quyền sở hữu tài sản là nhà số 1206/36/4A từ bà N sang cho bà Ng. Việc bà Ng khi làm thủ tục yêu cầu UBND Quận Q cấp giấy chủ quyền nhà cho mình cố tình cung cấp tài liệu giả mạo về giao dịch tặng cho tài sản này chứng tỏ có sự gian dối đối với giao dịch (nếu có) nên tài liệu “Giấy tay cho nhà đất ngày 04/02/2004” cũng không có cơ sở để xác định tồn tại giao dịch tặng cho tài sản. UBND Quận Q căn cứ vào tài liệu giả mạo trên xác định có sự chuyển dịch quyền sở hữu tài sản là nhà số 1206/36/4A từ bà N sang cho bà Ng để cấp Giấy chứng nhận số CH05444 cho bà Ng là không có cơ sở.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù Giấy chứng nhận được cấp đúng thẩm quyền; tuân theo trình tự, thủ tục luật định nhưng nội dung cấp Giấy chứng nhận trái với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, huỷ bỏ Giấy chứng nhận số CH 05444.

[8] Do Bà N đang giữ bản chính Giấy chứng nhận số CH05444 nên có trách nhiệm giao lại cho Ủy ban nhân dân Quận Q ngay khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

[9] Về án phí hành chính sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được Tòa án chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Luật tổ tụng hành chính; Luật đất đai năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Bùi Thị N, huỷ bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH05444 do UBND Quận Q cấp ngày 21/10/2011.

2. Bà Bùi Thị N có trách nhiệm giao lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH05444 do UBND Quận Q cấp ngày 21/10/2011 cho Ủy ban nhân dân Quận Q ngay khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh phải nộp án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

- Trả lại cho Bà Bùi Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0049846 ngày 04/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Nguyễn Hồ Thanh Bạch